

Mỏ Cày Nam, ngày 21 tháng 7 năm 2017

Số: 158/2017/QĐST – HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 100/2017/TLST–HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2017;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Chị Phan Thị Th, sinh năm 1976

Nơi cư trú: ấp Th, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Anh Lê Văn T, sinh năm 1975

Nơi cư trú: ấp Th, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Th, sinh năm 1976

Nơi cư trú: ấp Th, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1975

Nơi cư trú: ấp Th, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Lê Văn Thanh T, sinh ngày 25/12/2005 giao cho anh T trực tiếp nuôi, ghi nhận anh T không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: chị Th và anh T có văn bản thoả thuận trước và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thoả thuận của hai anh chị trong quyết định như sau:

Chị Th được nhận diện tích đất 2000 m² thuộc thửa số 129 (trong tổng diện tích 9527,5 m²), tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại ấp Th, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre giáp với phần đất cho con gái Huỳnh Thị Thanh T.

Anh T được nhận diện tích 2000 m² thuộc thửa 129 (trong tổng diện tích 9.527,5 m²), tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại ấp Th, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre giáp với phần đất của ông Phan Văn H và anh T được nhận diện tích đất 423,6 m² thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại ấp Th, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre và một ngôi nhà.

Chị Th và anh T thoả thuận cho con gái Huỳnh Thị Thanh T diện tích đất 200 m² thuộc thửa số 129 (trong tổng diện tích 9.527,5 m²), tờ bản đồ số 31, tại ấp Th, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre tiếp giáp với phần đất của Huỳnh Thị Thanh T và chị Phan Thị Th được nhận để làm lối đi.

Diện tích đất còn lại 5327,5 m² thuộc thửa 129 (trong tổng diện tích 9527,5 m²), tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại ấp Th, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre chị Thu và anh T thoả thuận cho con trai Lê Văn Thành T, sinh ngày 25/12/2005 nhưng để anh T quản lý, sử dụng, thu hoạch đến khi con Lê Văn Thành T tròn 18 tuổi sẽ chuyển quyền sử dụng đất cho con Lê Văn Thanh T.

- Về nợ chung: chị Th và anh T trình bày không có, không giải quyết.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng do chị Th tự nguyện chịu và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007642 ngày 20/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Hoàn trả cho chị Th số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai trên.

Hoàn trả cho chị Th số tiền tạm ứng án phí 6.250.000 (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007643 ngày 20/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- CCTHADS huyện Mỏ Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM

Thẩm phán

(đã ký)

Nguyễn Hồng Dân